

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>14 - 40</b>

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 0102307343 và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần 14 ngày 27 tháng 9 năm 2017 về việc thay đổi số điện thoại liên lạc.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Đào Tiến Dương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

#### **Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

CHI  
G  
CH N  
M TO  
A  
TA  
G E



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Kim Ngọc Nhân**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 09 tháng 8 năm 2018

31  
NH  
VQ  
HIA  
NV  
&  
HA  
A-

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2018, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



---

**Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>207.697.998.430</b>	<b>177.089.740.662</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.191.232.268</b>	<b>11.772.410.854</b>
1. Tiền	111		1.191.232.268	11.772.410.854
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.886.000.000</b>	<b>4.950.867.874</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	6.886.000.000	4.950.867.874
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>119.595.360.301</b>	<b>105.409.303.530</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	93.654.028.375	79.561.451.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.331.825.484	11.735.253.040
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.450.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	45.579.432.662	47.860.710.819
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(38.969.926.220)	(37.198.112.031)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>72.949.132.222</b>	<b>48.637.132.457</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	72.949.132.222	48.637.132.457
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.076.273.639</b>	<b>6.320.025.947</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.163.637.691	2.506.220.448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.912.635.948	3.813.805.499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>196.899.565.921</b>	<b>194.598.965.168</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.749.648.893</b>	<b>16.073.302.995</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	12.749.648.893	16.073.302.995
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51.221.620.968</b>	<b>51.216.507.329</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	38.183.860.870	38.168.274.483
<i>Nguyên giá</i>	222		58.694.632.848	54.478.375.498
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20.510.771.978)	(16.310.101.015)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13.037.760.098	13.048.232.846
<i>Nguyên giá</i>	228		13.163.033.000	13.163.033.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(125.272.902)	(114.800.154)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>131.874.370.948</b>	<b>125.602.210.380</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	110.654.570.000	106.754.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.209.050.596)	(1.081.211.164)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	12.228.851.544	6.728.851.544
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.053.925.112</b>	<b>1.706.944.464</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.053.925.112	1.706.944.464
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>404.597.564.351</b>	<b>371.688.705.830</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>211.047.576.223</b>	<b>181.116.363.819</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>202.111.040.139</b>	<b>170.519.287.394</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	61.097.313.850	80.502.607.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	37.725.466.075	37.958.900.412
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	497.630.870	4.762.459.570
4. Phải trả người lao động	314		3.448.514.525	9.651.996.427
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	20.146.531.518	1.693.643.009
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	56.426.328	56.426.328
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.750.387.421	1.928.638.001
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	75.265.518.240	32.841.364.531
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.123.251.312	1.123.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.936.536.084</b>	<b>10.597.076.425</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	6.366.688.134	7.533.019.311
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	47.021.950	75.235.114
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.522.826.000	2.988.822.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>193.549.988.128</b>	<b>190.572.342.011</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>193.549.988.128</b>	<b>190.572.342.011</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.148.466.209	4.922.215.574
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.613.471.919	13.862.076.437
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.635.825.802	13.862.076.437
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.977.646.117	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>404.597.564.351</b>	<b>371.688.705.830</b>

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Ngô Thị Trang

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	130.670.547.246	174.527.342.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.670.547.246	174.527.342.010
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	113.775.677.871	163.626.550.925
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.894.869.375	10.900.791.085
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.344.797.952	751.364.871
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.248.089.864	1.123.938.426
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.372.188.960	753.730.154
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.078.822.910	7.524.653.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.912.754.553	3.003.564.059
11. Thu nhập khác	31	VI.6	192.484.470	83.045.739
12. Chi phí khác	32	VI.7	302.718.594	744.553.638
13. Lợi nhuận khác	40		(110.234.124)	(661.507.899)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.802.520.429	2.342.056.160
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	824.874.312	664.732.844
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.977.646.117	1.677.323.316
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.802.520.429	2.342.056.160
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.211.143.711	2.864.162.797
- Các khoản dự phòng	03		4.899.653.621	632.072.596
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(64.340.276)	234.839.626
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(792.755.365)	(324.907.304)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.372.188.960	753.730.154
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.428.411.080	6.501.954.029
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.390.278.954)	14.076.984.482
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.311.999.765)	(3.313.190.812)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.790.176.988)	38.499.475.567
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.995.602.109	865.311.854
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.358.379.881)	(832.284.485)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.082.113.308)	(1.032.642.220)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.508.935.707)	54.765.608.415
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.216.257.350)	(28.215.094.271)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.980.000.000)	(5.106.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.994.867.874	2.473.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.900.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.196.686	134.032.425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.042.192.790)	(30.514.061.846)

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	84.015.743.483	34.209.640.538
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(42.057.585.774)	(65.083.027.009)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.958.157.709	(30.873.386.471)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10.592.970.788)	(6.621.839.902)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.772.410.854	18.157.241.050
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.792.202	(182.267.307)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.191.232.268	11.353.133.841

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các công ty con trực tiếp*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Số 33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ	59,63%	59,63%	59,63%

*Các công ty con gián tiếp*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	0%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	0%	79,69%	69,67%

(\*) 02 Công ty này là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó là Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Số 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	23,32%	23,32%	23,32%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 285 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 259 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### ***Nhận diện thương hiệu***

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuê mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhận diện thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **12. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	33.792.245	4.325.158.516
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.157.440.023	7.447.252.338
<b>Cộng</b>	<b>1.191.232.268</b>	<b>11.772.410.854</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.886.000.000</b>	<b>4.950.867.874</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	6.886.000.000	4.950.867.874
<b>Dài hạn</b>	<b>12.228.851.544</b>	<b>6.728.851.544</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	7.668.851.544	2.168.851.544
Trái phiếu (*)	4.560.000.000	4.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.114.851.544</b>	<b>11.679.719.418</b>

(\*) Là 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>110.654.570.000</b>	<b>(4.209.050.596)</b>	<b>106.754.570.000</b>	<b>(1.081.211.164)</b>
Công ty Cổ phần CM				
Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	21.030.000.000	(3.603.362.581)	21.030.000.000	(408.080.505)
Công ty Cổ phần Xây				
lắp Môi trường - TKV <sup>(ii)</sup>	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Công ty Cổ phần CM				
Nha Trang <sup>(iii)</sup>	47.700.000.000	(605.688.015)	43.800.000.000	(673.130.659)
<b>Đầu tư vào công ty liên</b>	<b>13.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.200.000.000</b>	<b>-</b>
<b>doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư				
và hạ tầng Vietin <sup>(iv)</sup>	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(4.209.050.596)</b>	<b>119.954.570.000</b>	<b>(1.081.211.164)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV 41.924.570.000 VND, tương đương 68,44% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201758312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 01 năm 2018, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Nha Trang (CM Nha Trang) 43.800.000.000 VND, tương đương 66,26% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 3.900.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 47.700.000.000 VND, tương đương 59,63% vốn điều lệ thực góp của CM Nha Trang (số đầu năm là 43.800.000.000 VND, tương đương 66,26% vốn điều lệ).
- (iv) Công ty đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin với giá trị mua là 13.200.000.000 VND chiếm tỷ lệ 23,32% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.081.211.164	803.401.192
Trích lập dự phòng bổ sung	3.195.282.076	-
Hoàn nhập dự phòng	(67.442.644)	(549.136.864)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.209.050.596</b>	<b>254.264.328</b>

#### Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV (TKV)</b>		
Mua vật tư của TKV	255.441.450	-
Vay TKV	1.700.000.000	7.000.000.000
Lãi vay phải trả TKV	27.125.000	48.611.111
Bán vật tư, thiết bị cho TKV	-	1.590.223.996
Cho TKV thuê máy móc, thiết bị	-	3.471.428.571
<b>Công ty Cổ phần CM Thành Đông (CM Thành Đông)</b>		
Vay tiền của CM Thành Đông	7.750.000.000	330.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty Cổ phần CM Nha Trang (CM Nha Trang)</b>			
Thi công xây lắp cho CM Nha Trang		6.648.239.010	-
Lãi vay phải thu CM Nha Trang		157.837.333	-
<b>3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng</b>			
<b>3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>93.654.028.375</b>	<b>79.561.451.702</b>	
Công ty SK Engineering and Construction	48.742.118.201	37.255.180.018	
Công ty Cổ Phần Thủy điện Sông Bạc	13.927.265.023	13.927.265.023	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	8.219.169.047	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn	6.102.012.461	11.842.568.480	
Công ty TNHH MTV than Khe Chàm - Vinacomin	695.948.350	1.195.948.350	
Các khách hàng khác	15.967.515.293	7.121.320.784	
<b>Cộng</b>	<b>93.654.028.375</b>	<b>79.561.451.702</b>	
<b>3b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>			
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>254.338.074</b>	-	
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	254.338.074	-	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>12.495.310.819</b>	<b>16.073.302.995</b>	
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	7.081.782.000	7.081.782.000	
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1	2.691.000.000	-	
Ban Quản lý Dự án Bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Xây dựng Hệ thống Kênh mương Công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	-	3.500.000.000	
Các khách hàng khác	2.722.528.819	5.491.520.995	
<b>Cộng</b>	<b>12.749.648.893</b>	<b>16.073.302.995</b>	
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-	
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<b>19.331.825.484</b>	<b>11.735.253.040</b>	
Công ty Cổ phần Điện lạnh và Xây lắp Việt Nam	9.206.819.805	8.388.218.540	
Công ty TNHH Tùng Nguyên	4.590.405.100	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Top Dec	2.378.328.780	-	
Các nhà cung cấp khác	3.156.271.799	3.347.034.500	
<b>Cộng</b>	<b>19.331.825.484</b>	<b>11.735.253.040</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**5. Phải thu ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.054.138.344</b>	<b>-</b>	<b>1.747.940.781</b>	<b>-</b>
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	403.815.446		61.500.000	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương			1.244.400.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV - Tiền chi hộ	492.485.565		442.040.781	-
Cho Công ty Cổ phần CM Nha Trang - Lãi vay phải thu	157.837.333			
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>44.525.294.318</b>	<b>(29.945.377.877)</b>	<b>46.112.770.038</b>	<b>(29.945.377.877)</b>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	982.422.536		406.701.190	
Tạm ứng	897.859.025		1.817.952.804	
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.207.964.490		2.144.999.319	
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	(6.305.328.136)	12.610.656.272	(6.305.328.136)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(2.100.000.000)	5.700.000.000	(2.100.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	586.342.254		1.892.410.712	
<b>Cộng</b>	<b>45.579.432.662</b>	<b>(29.945.377.877)</b>	<b>47.860.710.819</b>	<b>(29.945.377.877)</b>

**6. Nợ xấu**

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu về tiền bán hàng của các tổ chức, cá nhân không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)	Trên 3 năm	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)	Trên 3 năm	2.267.704.120	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)	Trên 3 năm	704.446.925	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Trên 3 năm	5.906.047.298	(5.906.047.298)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.906.047.298	(4.134.233.109)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.000.000.000	(2.100.000.000)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.000.000.000	(2.100.000.000)
Công ty TNHH	Từ 1 năm	12.610.656.272	(6.305.328.136)	Từ 1 năm	12.610.656.272	(6.305.328.136)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Cavico Việt Nam	đến dưới 2 năm			đến dưới 2 năm		
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	146.350.000	(146.350.000)	Trên 3 năm	146.350.000	(146.350.000)
<b>Cộng</b>		<b>46.175.254.356</b>	<b>(38.969.926.220)</b>		<b>46.175.254.356</b>	<b>(37.198.112.031)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	37.198.112.031	27.611.574.435
Trích lập dự phòng bổ sung	1.771.814.189	1.181.209.460
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38.969.926.220</b>	<b>28.792.783.895</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	88.945.730	-	1.587.080.214	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.929.538.534	-	9.195.453.646	-
Công cụ, dụng cụ	3.306.569.329	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang(*)	55.624.078.629	-	37.656.567.597	-
Hàng gửi đi bán	-	-	198.031.000	-
<b>Cộng</b>	<b>72.949.132.222</b>	<b>-</b>	<b>48.637.132.457</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Nậm Ngừng	962.425.941	-
Dự án Xenamnoy Gói 3	26.526.025.081	-
Dự án Xenamnoy Gói 9	2.899.608.964	12.724.864.541
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Dự án Đường giao thông	1.346.192.930	1.312.109.706
Dự án Bình Định	1.730.338.402	411.074.201
Các công trình, dự án khác	797.855.321	1.846.887.159
<b>Cộng</b>	<b>55.624.078.629</b>	<b>37.656.567.597</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	581.421.809	1.392.322.677
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	326.982.788	550.703.378
Phí bảo lãnh	244.528.917	349.990.936
Chi phí sửa chữa	-	72.338.500
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.704.177	140.864.957
<b>Cộng</b>	<b>1.163.637.691</b>	<b>2.506.220.448</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	936.170.747	1.401.038.925
Các chi phí trả trước dài hạn khác	117.754.365	305.905.539
<b>Cộng</b>	<b>1.053.925.112</b>	<b>1.706.944.464</b>

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	14.087.784.756	31.289.228.934	7.497.324.636	1.604.037.172	54.478.375.498
Mua trong kỳ	-	1.056.545.455	-	644.230.909	1.700.776.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.515.480.986	-	-	-	2.515.480.986
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.603.265.742</b>	<b>32.345.774.389</b>	<b>7.497.324.636</b>	<b>2.248.268.081</b>	<b>58.694.632.848</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.699.699.908	1.635.241.819	445.908.848	6.780.850.575
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	160.389.944	12.408.764.230	3.237.283.103	503.663.738	16.310.101.015
Khấu hao trong kỳ	393.052.248	3.131.212.100	498.089.697	178.316.918	4.200.670.963
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>553.442.192</b>	<b>15.539.976.330</b>	<b>3.735.372.800</b>	<b>681.980.656</b>	<b>20.510.771.978</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	13.927.394.812	18.880.464.704	4.260.041.533	1.100.373.434	38.168.274.483
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.049.823.550</b>	<b>16.805.798.059</b>	<b>3.761.951.836</b>	<b>1.566.287.425</b>	<b>38.183.860.870</b>
<b>Trong đó:</b>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.033.520.762 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt và Ngân hàng TMCP Quân Đội.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	12.915.578.000	209.455.000	38.000.000	13.163.033.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.915.578.000</b>	<b>209.455.000</b>	<b>38.000.000</b>	<b>13.163.033.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	38.000.000	38.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	76.800.154	38.000.000	114.800.154
Khấu hao trong kỳ	-	10.472.748	-	10.472.748

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Số cuối kỳ	-	87.272.902	38.000.000	125.272.902
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	12.915.578.000	132.654.846	-	13.048.232.846
Số cuối kỳ	12.915.578.000	122.182.098	-	13.037.760.098
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**11. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	28.952.979.606	31.583.132.011
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	20.772.838.848	23.402.991.253
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	32.144.334.244	48.919.475.793
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	-	11.571.574.975
Các nhà cung cấp khác	26.105.508.292	31.309.074.866
<b>Cộng</b>	<b>61.097.313.850</b>	<b>80.502.607.804</b>

**11b. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6.366.688.134	7.533.019.311
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.401.825.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	-	1.132.301.645
Các nhà cung cấp khác	985.680.856	1.019.710.388
<b>Cộng</b>	<b>6.366.688.134</b>	<b>7.533.019.311</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	8.496.107.810	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	8.496.107.810	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	29.229.358.265	37.958.900.412
Hazama Ando Corporation	15.961.234.815	18.341.532.936
Công ty SK Engineering and Construction	4.626.645.450	10.386.991.476
Duglas Alliance	4.378.000.000	4.378.000.000
Ban quản lý dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định	4.263.478.000	4.852.376.000
<b>Cộng</b>	<b>37.725.466.075</b>	<b>37.958.900.412</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>20.146.531.518</b>	<b>1.693.643.009</b>
Chi phí lãi vay phải trả	119.947.384	106.138.305
Trích trước chi phí công trình	20.026.584.134	1.587.504.704
<b>Cộng</b>	<b>20.146.531.518</b>	<b>1.693.643.009</b>

#### 15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Là tiền nhận trước về cho thuê lán trại văn phòng tại Ngàn Trươi.

#### 16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>2.750.387.421</b>	<b>1.928.638.001</b>
Kinh phí công đoàn	324.793.232	197.372.730
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	883.991.331	502.753.819
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.023.476.976	915.766.996
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	518.125.882	312.744.456
<b>Cộng</b>	<b>2.750.387.421</b>	<b>1.928.638.001</b>

#### 17. Vay ngắn hạn/dài hạn

##### 17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>	<b>8.658.471.321</b>	<b>2.361.471.321</b>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	2.034.471.321	2.034.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông <sup>(i)</sup>	6.624.000.000	327.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>57.586.046.919</b>	<b>28.597.885.210</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An <sup>(ii)</sup>	8.299.874.020	5.759.434.925
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình <sup>(iii)</sup>	12.084.450.942	1.942.854.318
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch <sup>(iv)</sup>	37.201.721.957	20.895.595.967
<i>Vay ngắn hạn cá nhân Ông Phạm Văn Tùng<sup>(i)</sup></i>	<b>6.839.000.000</b>	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<b>2.182.000.000</b>	<b>1.882.008.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>75.265.518.240</b>	<b>32.841.364.531</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 04 tháng hoặc 05 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thể chấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình để thanh toán các khoản lương phải trả cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	2.361.471.321	9.450.000.000	-	(3.153.000.000)	8.658.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	28.597.885.210	58.285.743.483	-	(29.297.581.774)	57.586.046.919
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	15.380.000.000	-	(8.541.000.000)	6.839.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.882.008.000	-	1.240.996.000	(941.004.000)	2.182.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.841.364.531</b>	<b>83.115.743.483</b>	<b>1.240.996.000</b>	<b>(41.932.585.774)</b>	<b>75.265.518.240</b>

#### 17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình <sup>(i)</sup>	1.390.826.000	1.412.822.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An <sup>(ii)</sup>	1.132.000.000	1.576.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.522.826.000</b>	<b>2.988.822.000</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu 9%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay là 03 năm kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn trong kỳ này như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.182.000.000	1.882.008.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.522.826.000	2.988.822.000
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.704.826.000</b>	<b>4.870.830.000</b>

3913  
HÀ NỘI  
CÔNG  
THIỆT  
TOÁN  
A  
TẠI  
G.Đ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.988.822.000
Số tiền vay phát sinh	900.000.000
Số tiền vay đã trả	(125.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.240.996.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.522.826.000</b>

## 18. Vốn chủ sở hữu

### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	4.827.939.835	12.294.878.636	188.910.868.471
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	1.677.323.316	1.677.323.316
Trích lập quỹ	-	-	94.275.739	(94.275.739)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>4.922.215.574</b>	<b>13.877.926.213</b>	<b>190.588.191.787</b>
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	4.922.215.574	13.862.076.437	190.572.342.011
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.977.646.117	2.977.646.117
Trích lập quỹ	-	-	226.250.635	(226.250.635)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>5.148.466.209</b>	<b>16.613.471.919</b>	<b>193.549.988.128</b>

### 18b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 18c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 27 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 226.250.635



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	30.552,45	104.038,59
Kíp Lào (LAK)	115.959.067,60	1.441.962,40
Baht Thái Lan (THB)	3.875,31	5.125,00

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

###### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.590.223.996
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.572.290.806	3.471.428.571
Doanh thu hợp đồng xây dựng	129.098.256.440	169.465.689.443
<b>Cộng</b>	<b>130.670.547.246</b>	<b>174.527.342.010</b>

###### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu cho thuê nhà</b>		
Ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch HĐQT	68.181.820	
Ông Kim Ngọc Nhân – Phó Chủ tịch HĐQT	68.181.820	
Ông Dương Ngọc Trường – Phó Tổng Giám đốc	34.090.910	

##### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.475.510.087
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	318.609.008	1.494.759.239
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	113.457.068.863	160.656.281.599
<b>Cộng</b>	<b>113.775.677.871</b>	<b>163.626.550.925</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	640.227.303	425.708.337
Lãi tiền cho vay	157.837.333	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	482.393.040	325.656.534
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	64.340.276	-
<b>Cộng</b>	<b>1.344.797.952</b>	<b>751.364.871</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.372.188.960	753.730.154
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	748.061.472	684.505.510
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	234.839.626
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	3.127.839.432	(549.136.864)
<b>Cộng</b>	<b>6.248.089.864</b>	<b>1.123.938.426</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.654.444.124	3.231.976.294
Chi phí đồ dùng văn phòng	108.496.862	266.174.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	669.836.200	837.566.719
Thuế, phí và lệ phí	330.050.952	150.136.108
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.771.814.189	1.181.209.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.509.888.493	1.857.590.519
Chi phí bằng tiền khác	34.292.090	-
<b>Cộng</b>	<b>8.078.822.910</b>	<b>7.524.653.471</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý vật tư, thiết bị	66.671.461	46.818.182
Thu nhập khác	125.813.009	36.227.557
<b>Cộng</b>	<b>192.484.470</b>	<b>83.045.739</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	92.727.267
Phạt do vi phạm về phòng cháy chữa cháy	40.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	105.796.856	298.601.142
Chi phí khác	156.921.738	353.225.229
<b>Cộng</b>	<b>302.718.594</b>	<b>744.553.638</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.000.463.538	52.109.322.658
Chi phí nhân công	29.709.803.946	35.689.142.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.211.143.711	2.864.162.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.053.200.712	81.447.704.782
Chi phí khác	4.847.399.906	1.698.164.199
<b>Cộng</b>	<b>139.822.011.813</b>	<b>173.808.496.483</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	36.000.000	69.000.000
Tạm ứng cho thành viên HĐQT	-	2.264.199.506

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	854.700.000	896.419.697
<b>Cộng</b>	<b>854.700.000</b>	<b>896.419.697</b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.3b, V.5, V.11a, V.12 và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.260.022.466	104.410.524.780	130.670.547.246
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26.260.022.466</b>	<b>104.410.524.780</b>	<b>130.670.547.246</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.169.132.351	11.725.737.024	16.894.869.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.078.822.910)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.816.046.465
Doanh thu hoạt động tài chính			1.344.797.952
Chi phí tài chính			(6.248.089.864)
Thu nhập khác			192.484.470
Chi phí khác			(302.718.594)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(824.874.312)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>2.977.646.117</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.177.711.895</b>	<b>1.056.545.455</b>	<b>4.234.257.350</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.046.795.303</b>	<b>3.921.666.022</b>	<b>4.968.461.325</b>
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	135.797.469.176	38.729.872.834	174.527.342.010
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>135.797.469.176</b>	<b>38.729.872.834</b>	<b>174.527.342.010</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.213.747.389	4.687.043.696	10.900.791.085
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(7.524.653.471)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.376.137.614
Doanh thu hoạt động tài chính			751.364.871
Chi phí tài chính			(1.123.938.426)
Thu nhập khác			83.045.739
Chi phí khác			(744.553.638)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(664.732.844)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.677.323.316</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>14.918.405.392</b>	<b>60.909.091</b>	<b>14.979.314.483</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.893.467.673</b>	<b>1.342.941.323</b>	<b>3.236.408.996</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	140.998.918.720	98.087.139.927	239.086.058.647
Tài sản phân bổ cho bộ phận	2.620.115.093	10.417.645.005	13.037.760.098
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			152.473.745.606
<b>Tổng tài sản</b>			<b>404.597.564.351</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	99.487.917.008	25.848.082.569	125.335.999.577
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	15.918.660.406	63.293.003.229	79.211.663.635
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			6.499.913.011
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>211.047.576.223</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	154.345.935.131	42.529.479.545	196.875.414.676
Tài sản phân bổ cho bộ phận	8.919.817.443	8.341.580.315	17.261.397.758
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			157.551.893.396
<b>Tổng tài sản</b>			<b>371.688.705.830</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	100.041.225.957	25.953.301.570	125.994.527.527
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	24.378.081.152	22.797.744.815	47.175.825.967
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			7.946.010.325
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>181.116.363.819</b>

#### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa, thành phẩm.
- Lĩnh vực Dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực xây lắp	129.098.256.440	169.465.689.443
Lĩnh vực thương mại	-	1.590.223.996
Lĩnh vực dịch vụ	1.572.290.806	3.471.428.571
<b>Cộng</b>	<b>130.670.547.246</b>	<b>174.527.342.010</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Ngô Thị Trang

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

